

Hiệp Hòa, ngày 09 tháng 10 năm 2024

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Áp dụng đối với gói thầu mua sắm trang thiết bị y tế; gói thầu mua sắm vật tư, hóa chất sử dụng cho trang thiết bị y tế

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Trung tâm Y tế huyện Hiệp Hoà có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: Mua sắm trang thiết bị y tế chuyên khoa phục vụ công tác khám chữa bệnh của đơn vị với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế huyện Hiệp Hoà.
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
 - Người nhận báo giá: Nguyễn Thế Huy
 - Chức Vụ: Trưởng khoa Dược – TTBYT
 - SĐT: 0914.815.481
- Cách thức tiếp nhận báo giá: tiếp nhận báo giá theo một trong các cách thức sau:
 - Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Khoa dược – Trung tâm Y tế huyện Hiệp Hoà; Địa chỉ: Đường Tuệ Tĩnh – Tổ dân phố số 3- Thị trấn Thắng – Hiệp Hoà – Bắc Giang.
 - Nhận qua email: ttythiephoa24007@gmail.com
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 15h ngày 09 tháng 10 năm 2024 đến hết ngày 12 tháng 11 năm 2024. ⁽²⁾

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: **Tối thiểu 90 ngày**, kể từ ngày 12 tháng 11 năm 2024
Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục mua sắm chi tiết như sau:

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
1	Tủ ẩm CO2 50 lít	I.Yêu cầu chung -Máy mới 100%, năm sản xuất từ 2024 trở đi -Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương -Môi trường hoạt động tối đa -Nhiệt độ: $\geq 30^{\circ}\text{C}$ -Độ ẩm: $\geq 80\%$ -Nguồn cung cấp: Đầu vào: 100~240V (50/60Hz) II.Cấu hình cung cấp cho 01 bộ -Máy chính: 01 cái -Dây nguồn : 01 sợi -Đồng hồ cho bình CO2: 01 cái -Hướng dẫn sử dụng: 01 quyển III.Tính năng kỹ thuật -Công nghệ tạo độ ẩm cao, kiểm soát nhiệt và CO2 chính xác -Bộ lọc ULPA SteriSafe™ cho phép không khí trong tủ được duy trì ở điều kiện ISO Class 5 -Hệ thống báo động nhắc nhở người dùng thay thế bình chứa CO2 và bộ lọc ULPA -Bộ ghi biến cố và dữ liệu thông minh ghi lại tất cả các thông số cho việc xem lại trên màn hình -Cổng xuất dữ liệu RS485 -Dễ dàng làm vệ sinh + Khoang tủ được làm bằng thép không rỉ bóng sáng với các góc đều được bo tròn + Ống dẫn, các hệ thống thông gió và khay có thể tháo lắp mà không cần bộ đồ nghề + Cửa kính và đệm khí bên trong có thể tháo rời mà không cần bộ đồ nghề -Phương pháp kiểm soát nhiệt độ: Cấp nhiệt trực tiếp và áo khí sử dụng bộ vi xử lý PI -Phạm vi nhiệt độ môi trường: 18 đến 30°C (64.4 to 86.0°F) -Phạm vi nhiệt độ: môi trường +5 đến 60	Cái	01

		-Đồng nhất nhiệt độ, °C (tại 37°C): $< \pm 0.5$ -Độ chính xác nhiệt độ, °C (tại 37°C): $< \pm 0.1$ -Thời gian phục hồi nhiệt độ (sau 30 giây mở cửa, 98% so với giá trị ban đầu): ≤ 5 phút -Nguồn điện: 230VAC, 50/60Hz -Thông số CO₂: + Hệ thống kiểm soát khí CO₂: Bộ vi xử lý PI + Phạm vi CO₂, %CO₂: 0-19.5 + Độ chính xác CO₂, % CO₂ (điểm cài đặt CO₂ 5%): ± 0.1 + Cảm biến CO₂: Cảm biến hồng ngoại (IR) + Thời gian phục hồi CO₂ (sau 30 giây mở cửa, 98% so với giá trị ban đầu): ≤ 6 phút -Độ ẩm: 85-90% RH (Esco không đảm bảo buồng không ngưng tụ ở độ ẩm cao hơn 90%.) -Thể tích: 50 lít -Kích thước bên ngoài (W x D x H): 500 x 500 x 655 mm -Kích thước bên trong (W x D x H): 345 x 375 x 388 mm -Cấu trúc buồng: + Thân tủ: Thép mạ kẽm điện với lớp phủ ISOCIDE™ kháng khuẩn + Vật liệu bên trong: Thép không gỉ loại 304 + Số lượng giá đỡ: 3 + Kích thước giá đỡ (WxDxH): 300 x 335 x 16mm + Tải trọng đối đa trên mỗi giá đỡ: 4kg -Công suất danh định ở 37°C: 40.9W -Tiêu thụ điện tối đa: 598.8 W		
2	Kính hiển vi phẫu thuật mắt	Thông tin chung Thiết bị mới 100%, sản xuất năm 2024 trở về sau Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương Điện nguồn: Một pha (220V$\pm$10%), tần số: 50/60Hz Môi trường hoạt động:	Cái	01

		+ Nhiệt độ tối đa: $\geq 35^{\circ}\text{C}$ + Độ ẩm tối đa: $\geq 75\%$ (Không ngưng tụ) + Thời gian bảo hành: 12 tháng đối với toàn bộ hệ thống 1. CẤU HÌNH CUNG CẤP - Hệ thống quang học kính hiển vi bao gồm thị kính và vật kính: 01 bộ + Thị kính 2 mắt: 01 bộ + Vật kính F=200 mm: 01 bộ - Hệ thống chiếu sáng: 01 bộ - Chân đế, cánh tay nâng: 01 bộ - Pedan điều khiển bằng chân: 01 bộ - Bộ phụ kiện tiêu chuẩn bao gồm: + Khớp nối: 01 cái + Bộ núm tiết trùng: 01 cái + Bao phủ bụi: 01 cái + Cầu chì: 02 cái + Cáp nguồn: 01 cái + Hướng dẫn sử dụng tiếng Anh hoặc tiếng Việt: 01 cái 2. Thông số kỹ thuật Kính lọc: Dùng núm đổi kính lọc để thay đổi, các loại kính lọc: + Kính lọc ánh sáng xanh, làm giảm ánh sáng xanh điển hình của đèn LED + Kính lọc màu xanh coban + Kính lọc màu xanh lá cây + Kính lọc hấp thụ nhiệt - Sử dụng nguồn sáng Led tiêu thụ điện giảm tới 85% Kính hiển vi + Thay đổi độ phóng đại: Thay đổi thủ công độ phóng đại theo 3 nấc + Vật kính: F 200 mm + Thị kính: 12.5xw + Ống quan sát 2 mắt: Ống quan sát 2 mắt nghiêng 45° + Khả năng phóng đại ít nhất 3 mức: trong khoảng từ 4.5X đến 12.5x		
--	--	---	--	--

		+ Trường nhìn thực tế 3 mức: trong khoảng từ $\varnothing 15\text{mm}$ đến $\varnothing 50\text{mm}$, + Khoảng lấy nét: 30mm - Hệ thống chiếu sáng: + Hệ thống: Chiếu sáng trực tiếp 1+ Nguồn sáng LED + Trường phát sáng $\varnothing 55\text{mm}$ + Chỉnh độ sáng: 9 nấc - Chân đế, Cánh tay nâng + Chân đế: dạng đứng + Độ dài duỗi tối đa cánh tay: 1045mm + Hành trình dọc của cánh tay: 400mm + Kích thước đế: 600mmx600mm		
3	Máy điện xung điện phân	Cấu hình chuẩn - Máy chủ: 01 cái - Dây điện cực: 01 cái - Tấm điện cực lớn: 02 cái - Tấm điện cực bé: 02 cái - Phụ kiện khác đi kèm theo tiêu chuẩn nhà sản xuất - Dây nguồn: 01 cái - Hướn g dẫn sử dụng: 01 bộ Tính năng và thông số kỹ thuật : 1. Điều kiện môi trường làm việc như sau: a) Nhiệt độ môi trường: $+ 5^{\circ}\text{C} \sim + 40^{\circ}\text{C}$; b) Độ ẩm tương đối: 30% đến 90%; 2. Nguồn cung cấp: điện áp $220\text{V} \pm 22\text{V}$. 3. Đầu vào định mức: 40VA. 4. Mô tả: bề mặt đồng màu, chữ viết tay trên bảng điều khiển rõ ràng và vị trí núm vặn chính xác. Kích thước máy: Chiều dài 380mm, chiều rộng 310mm, chiều cao 135mm, sai số $\pm 10\%$;	Máy	02

		5. Điện cực a) Tấm điện cực gia nhiệt: dài 85mm, rộng 55mm, dung sai $\pm 5\%$; b) Dây điện cực: dài 1800mm, dung sai $\pm 100\text{mm}$; c) Tấm điện cực gia nhiệt hấp thụ nước: dài 107 mm, rộng 72 mm, sai số $\pm 5\%$. 6. Chế độ điều trị a) Có hai chế độ điều trị: Massage và Leading- in . b) Trạng thái Massage xuất ra dạng sóng xung đối xứng, biên độ chênh lệch không quá 2V. c) Đầu ra trạng thái Leading- in là dạng sóng xung không đối xứng. 7. Kênh đầu ra: đầu ra kênh đơn. 8. Dạng sóng sóng mang: sóng hình sin. 9. Dạng sóng điều chế: sóng vuông. 10. Tần số đầu ra: a) Tần số sóng trung tần: 2000Hz, dung sai $\pm 10\%$; b) Tần số sóng điều biến: 75Hz, sai số $\pm 10\%$. 10. Phạm vi điều chỉnh: nên nằm trong khoảng 35% đến 65%. 11. Điện áp xung tần số trung gian: Giá trị đỉnh-đỉnh đầu ra lớn nhất của xung tần số trung gian là 99V, dung sai là $\pm 10\%$ và nó được hiển thị ở các mức từ 0 đến 99; dòng điện đầu ra tối đa: 55mA, và dung sai là $\pm 10\%$. 12. Biên độ thời gian: có thể điều chỉnh liên tục từ 1 phút đến 60 phút, giá trị mặc định là 25 phút khi khởi động, sai số là ± 10 giây, sau khi kết thúc thời gian điều trị, đầu ra sẽ dừng lại và một tiếng còi sẽ phát ra. 13. Hoạt động: Cực đầu ra được phép làm việc ở trạng thái hở mạch và ngắn mạch. Tất cả các bộ điều khiển đầu ra của thiết bị cảm ứng được đặt ở giá trị lớn nhất và mỗi cặp đầu ra đầu ra được mở mạch trong 10 phút, sau đó ngắn mạch trong 5 phút. Sau thử nghiệm này, dụng cụ cảm ứng đáp ứng các yêu cầu. 14. Miếng đệm điện cực: Nên mua miếng đệm điện cực với những sản phẩm đủ tiêu chuẩn với thông tin lưu trữ thiết bị y tế hạng nhất. 15. Nhiệt độ gia nhiệt phụ của tấm điện cực: 43 °C, dung sai ± 3 °C. 16. Tốc độ thay đổi dòng điện đầu ra dưới các tải khác nhau không được lớn hơn 10%.		
--	--	--	--	--

		17. Thời gian làm việc liên tục của máy không ít hơn 4 giờ.		
4	Máy siêu âm điều trị	Cấu hình cơ bản: - Máy chính: 01 cái - Cáp nguồn: 01 cái - Đầu dò siêu âm điều trị đa tần (1/ 3MHz) khu vực chiếu 5 cm²: 02 cái - Giá đỡ đầu dò: 01 cái - Bộ tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh + tiếng Việt: 01 bộ Thông số kỹ thuật : Nguồn cung cấp: 230Vac, 50-60 Hz + 10% Công suất tiêu thụ : 65 VA Cầu chì : 2 A - T - 5 x 20mm Màn hình LCD hiển thị: Cảm ứng màu độ phân giải 320x240 chức năng chạm và cuộn. Thời gian điều trị : Lên đến 30 phút Nhóm an toàn điện theo tiêu chuẩn EN 60601-1: I/ BF Cấp an toàn (93/42/CEE): IIB Độ bảo vệ chất lỏng : IPX0 Tần số đầu phát : 1 MHz và 3 MHz ± 15% Chu kỳ nhiệm vụ có thể điều chỉnh: (10 – 100) % Tần số chu kỳ nhiệm vụ có thể điều chỉnh: (10 – 100) Hz Công suất đỉnh chế độ xung: từ 0.1 đến 3 W/cm² Công suất đỉnh chế độ liên tục: 0.1 đến 2 W/cm² Kênh đầu ra: 1 kênh Giao thức có thể được lưu trữ trong bộ nhớ người dùng: 200	Máy	01
5	Máy bơm hút dịch chuyên dụng	Thông tin chung Thiết bị mới 100%, sản xuất năm 2023 trở về sau Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 Môi trường hoạt động: + Nhiệt độ tối đa: ≥40°C	Máy	01

		+ Độ ẩm tối đa: $\geq 70\%$ Thời gian bảo hành ≥ 12 tháng; thời gian bảo trì 3 tháng / lần trong suốt thời gian bảo hành. Cấu hình cung cấp: -Máy chính: 01 cái -Bộ đường ống tưới/ hút: 01 bộ -Bình chứa dịch $\geq 2L$ có van chống tràn: 01 cái -Ống chọc $235mm \pm 5\%$: 01 cái -Đầu lọc vô trùng chống nước: 02 cái -Giá giữ bình chứa dịch có vít: 02 cái -Dây nguồn: 01 cái -Cầu chì dự phòng: 02 cái -Bàn đạp chân điều chỉnh Start/Stop: 01 cái -Tài liệu hướng dẫn sử dụng Đặc điểm: -Sử dụng công nghệ bơm màng tiên tiến nhất, phù hợp phẫu thuật nội soi ổ bụng ở khoang bụng, ngực hoặc sau màng bụng -Xử lý dễ dàng, trực quan -Bộ ống tưới hút, ống chọc và bình chứa dịch có thể hấp tiệt trùng toàn bộ Các tính năng: -Cài đặt sẵn kỹ thuật số thông số độc lập cho áp lực hút và tưới tối đa. -Hiển thị kỹ thuật số thông số hút/ tưới thực tế -Hiệu quả cao với tốc độ lên tới $\geq 3L/$ phút -Bộ đường ống tưới hút được mã hóa màu -Chân máy chống trượt -Có chức năng chờ -Độ ồn thấp -Bộ lọc dùng một lần chống nước giúp an toàn tối đa cho bệnh nhân -Vỏ thép không gỉ cho tuổi thọ tối đa -Bộ hoàn chỉnh bao gồm hút và bộ ống tưới, bình hút, giá đỡ, ống chọc và bộ lọc vô trùng		
--	--	---	--	--

		Thông số kỹ thuật : -Điện áp 100-230 VAC, 50-60 Hz, cầu chì 3.15A/250V hoặc tương đương -Công suất đầu vào 80VA -Sản xuất và kiểm tra theo tiêu chuẩn DIN EN 60601-1:2005 -Úc chế nhiễu vô tuyến theo tiêu chuẩn DIN EN 60601-1-2:2007 -Công suất hút: $\geq 3\text{l/ phút}$ -Công suất tưới: $\geq 3\text{l/ phút}$ -Áp lực hút chân không tối đa: $\leq -525\text{mmHg}$ -Áp lực tối đa: $\geq 750\text{ mmHg}$ -Các bộ phận trên máy (mặt trước) tối thiểu gồm: Đèn LED báo hiệu START; Nút START/STOP; Đèn LED báo hiệu STOP; Đèn LED báo hiệu STAND BY; Nút ON/OFF; Đèn LED báo hiệu ON; Đầu nối ống LL (male) tưới; Nút điều chỉnh áp lực tưới; Biểu đồ cột thể hiện áp lực tưới; Biểu đồ cột thể hiện áp lực hút; Nút điều chỉnh chân không (hút); Đầu nối ống LL (female) hút; Cổng nối bàn đạp chân -Các bộ phận trên máy (mặt sau) tối thiểu gồm: Công tắc nguồn; Ngăn cầu chì; Cổng nối dây nguồn; Chốt liên kết đẳng thế; Tem kiểm tra; Bảng giá trị -Kích thước máy: khoảng 380 x 120 x 360 mm(WxHxD) -Kích thước máy với chai chứa: khoảng 440x120x360 mm (WxHxD) -Trọng lượng khoảng 11 kg. Chai 2L: khoảng 0.44 kg		
6	Máy phân tích nước tiểu tự động	Thông tin chung: Thiết bị mới 100%, sản xuất năm 2024 trở về sau Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 Môi trường hoạt động: + Nhiệt độ tối đa: $\geq 30^{\circ}\text{C}$ + Độ ẩm tối đa: $\geq 80\%$ Thời gian bảo hành ≥ 12 tháng; thời gian bảo trì 3 tháng / lần trong suốt thời gian bảo hành Cấu hình cung cấp -Máy chính: 01 máy	Máy	01

		-Thuốc thử dạng Cassette 11 thông số (400 test/ cassette): ≥ 01 Hộp -Chất kiểm chuẩn (2 lọ x 15ml): ≥ 01 Hộp -Dung dịch rửa (500ml): ≥ 01 chai -Cảm biến chất lỏng: ≥ 01 cái -Ống khí Ø4: ≥ 3 mét -Ống khí Ø6: ≥ 3 mét -Ống khí Ø8: ≥ 3 mét -Dây thít: ≥ 20 cái -Rack mẫu: ≥ 6 cái -Dây nguồn: ≥ 01 cái -Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh + tiếng Việt -Tem mã vạch: ≥ 3 cái -Tấm lót: ≥ 5 cái -Bơm mạch I/O: ≥ 01 cái -Cable I/O: ≥ 01 cái Tính năng kỹ thuật: -Tốc độ: ≥ 200 test/ giờ -Chu kỳ test: ≤ 18 giây -Màn hình: cảm ứng LCD ≥ 8 inch -Thông số xét nghiệm: Blood, Creatinine, Bilirubin, Urobilinogen, Ketones, Protein, Nitrite, Micro Albumin, Glucose, pH, S.G., Leucocyte, Ascorbic Acid, Color, Clarity -Nguyên lý đo: Que thử và màu sắc theo phép trắc quang phản xạ (Cảm biến hình ảnh CCD -Đo tỷ trọng SG: Khúc xạ kế -Thể tích mẫu: 1,5 ~ 2,0ml (tiêu thụ mẫu: 1,3 ml) -Thuốc thử dạng Cassette: 13 thông số hoặc 11 thông số -Quy cách: 400 test/ cassette 13 thông số bao gồm: Blood, Bilirubin, Creatinine, Urobilinogen, Ketones, Protein, Nitrite, Micro Albumin, Glucose, pH, Leucocyte, Vit.C, Compennation, và 2 thông số nội suy (SG, Clarity). -Quy cách: 400 test/ cassette 11 thông số bao gồm: Blood, Bilirubin, Urobilinogen,
--	--	--

		Ketones, Protein, Nitrite, Glucose, pH, Leucocyte, Vt.C, Compennation và 2 thông số nội suy (SG, Clarity) -Nước rửa hệ thống: Chai ≥ 500 ml - Để làm sạch ống phân tích sau khi thử nghiệm, trước khi tắt máy để bảo trì -Giao thức kết nối ngoài: RS-232C, Ethernet, USB, PS/2, giao tiếp song song -Có thể kết nối với máy xét nghiệm cận lằng -Tải mẫu cùng lúc: ≥ 100 mẫu (10 ống /1 khay) -Đường kính ống đo: 13- 16.5 mm, chiều cao 70- 120 mm -Bộ nhớ: $\geq 1.000.000$ kết quả bệnh nhân + 500 kết quả QC -Điện áp: 110V – 240 V (50~60Hz)		
7	Máy xét nghiệm điện giải tự động	Thông tin chung Thiết bị mới 100%, sản xuất năm 2024 trở về sau Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 Môi trường hoạt động: + Nhiệt độ tối đa: $\geq 30^{\circ}\text{C}$ + Độ ẩm tối đa: $\geq 80\%$ Thời gian bảo hành ≥ 12 tháng; thời gian bảo trì 3 tháng / lần trong suốt thời gian bảo hành Cấu hình cung cấp -Máy chính (K+, Na+, Cl-): 01 Máy -Bộ chuyển mẫu tự động: 01 bộ -Hóa chất điện giải (300 test); Dung tích: (60 ml+ 60 mL + 400 ml): ≥ 01 Hộp - Ref. Filling Solution (10 mL): ≥ 02 Lọ - Filling Solution (10 mL): ≥ 02 Lọ - QC Solution: (3x10 mL): ≥ 01 Hộp - Deproteinizer (1x50ml): ≥ 01 Lọ - Urine Diuent (1x50ml): ≥ 01 Lọ - Tài liệu Hướng dẫn sử dụng tiếng Anh + tiếng Việt Thông số kỹ thuật	Máy	01

		-Thông số đo (Theo tùy chọn cấu hình) -K⁺, Na⁺ -K⁺, Na⁺, Cl⁻ -K⁺, Na⁺, iCa2⁺ -K⁺, Na⁺, Cl⁻, Li⁺ -K⁺, Na⁺, Cl⁻, iCa2⁺ -K⁺, Na⁺, Cl⁻, iCa2⁺, pH -K⁺, Na⁺, Cl⁻, iCa2⁺, Li⁺, Mg2⁺, pH *Thông số kỹ thuật : - Bộ chuyển mẫu tự động: ≥ 32 Vị trí: 1 vị trí Deprotein, 3 vị trí QC, 5 vị trí cấp cứu STAT - Tích hợp đầu đọc Barcode - Tương thích với nhiều loại ống mẫu Nguyên lý đo: ISE ion chọn lọc Tốc độ: ≥ 100 test/ giờ Loại mẫu đo: Máu toàn phần, huyết thanh, huyết tương, nước tiểu (pha loãng) Lượng mẫu đo: 60-200 ul Lưu trữ dữ liệu: lên tới 50.000 test Hiệu chuẩn: Hai điểm hoặc 1 điểm Hiện thị và điều khiển: Màn hình màu, cảm ứng ≥ 7 inch Máy in: Tích hợp máy in nhiệt Giao thức kết nối: RS232, LAN, USB Dải đo: (mmol/L) - K⁺: 0.3-20 - Na⁺: 20-200 - Cl⁻: 20-200 - iCa2⁺: 0.1-6 - Li⁺: 0.2-5 - Mg2⁺: 0.1-6 - pH: 3-11
--	--	---

2. Địa điểm cung cấp, các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: *cung cấp, vận chuyển vật tư, hóa chất đến tận khoa Dược - VTTBYT của Trung tâm Y tế huyện Hiệp Hòa.*

3. Thời gian giao hàng dự kiến: sau khoảng 1-5 ngày tính từ thời gian người cung ứng của đơn vị gọi hàng.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Thanh toán đầu quý này cho quý trước sau khi đơn vị đã nhận đủ các loại giấy tờ cần thiết để phục vụ cho thanh toán.

5. Các thông tin khác (nếu có).

Nơi nhận:

- Lưu HS;
- Đăng website đơn vị;

GIÁM ĐỐC



Vũ Văn Hoàn

Mẫu báo giá

BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: Trung tâm Y tế huyện Hiệp Hoà

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Trung tâm Y tế huyện Hiệp Hoà, chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các trang thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục thiết bị y tế ⁽²⁾	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VND)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VND)
1										
2										
n	...									

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày 12 tháng 11 năm 2024 [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất,
nhà cung cấp⁽¹²⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột "Danh mục thiết bị y tế" trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột "Danh mục thiết bị y tế".

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.

(5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.